

LUẬN A TỖ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 7

Phẩm 3: NÓI VỀ SAI KHÁC (PHẦN 3)

Như vậy đã nói về sự sai khác của đắc, còn sự sai khác của phi đắc, như thế nào?

Tụng rằng:

*Phi đắc thuộc vô ký
Đời quá, vị có ba
Ba cõi không thuộc ba
Thuận Thánh đạo, phi đắc
Gọi là tánh phàm phu
Pháp đắc chuyển địa xứ.*

Luận chép: Tánh khác nhau, nghĩa là tất cả phi đắc đều gồm nhiếp tánh vô phú vô ký.

Thế gian sai khác an, nghĩa là quá khứ, vị lai đều có ba thứ, gọi là pháp quá khứ và pháp vị lai, mỗi pháp đều có phi đắc của ba đời. Nếu là pháp hiện tại, thì chỉ có phi đắc của quá khứ, vị lai, chắc chắn không có phi đắc của hiện tại, vì pháp hiện tại không hiện hành với không thành tựu.

Có nói: Pháp hiện không có phi đắc của hiện tại, vì trái với tánh pháp hiện có thể thành, sẽ cùng có với đắc, chắc chắn không có phi đắc. Vì pháp không thể thành, phi đắc cũng không có, nên pháp hiện tại không có phi đắc của hiện tại.

Sự sai khác của cõi, nghĩa là pháp lệ thuộc ba cõi và pháp không lệ thuộc, mỗi pháp đều có ba phi đắc, nghĩa là pháp lệ thuộc cõi Dục có phi đắc của ba cõi, lệ thuộc cõi Sắc, Vô sắc và không lệ thuộc cũng vậy, chắc chắn không có phi đắc, là vô lậu. Vì sao? Vì thừa nhận phi đắc của Thánh đạo, gọi là tánh phàm phu, nên như ả luận này chép: Thế nào là tánh phàm phu? Nghĩa là không đạt được pháp Thánh, không đạt được

là tên khác của phi đặc.

Thế nào là pháp vô lậu, có thể gọi là tánh phạm phu? Thế nào là không đạt được pháp Thánh, gọi là tánh phạm phu?

Vì đều không đạt được tất cả pháp Thánh, hay vì chỉ không được khổ pháp trí nhãn?

Có nói: Không đạt được tất cả pháp Thánh.

Nếu vậy lẽ nào chẳng thể không có không phải phạm phu, không có một, vì đều thành tựu tất cả pháp Thánh. Nếu có không đạt được, không xen lẫn với đạt được, là tánh phạm phu. Hoặc xen lẫn với đạt được thì không phải tánh phạm phu, nên không có lỗi.

Nếu vậy thì ả luận này nên nói lời thuần túy: Không như vậy, thì lia lời nói, thấy có nghĩa, như nói: Loại này ăn nước, ăn gió. Mặc dù không có lời nói đơn thuần, mà cũng biết loại kia thuần là ăn nước, gió, vì không xen lẫn thứ khác.

Có nói: Không đạt được khổ pháp trí nhãn, nhưng không phải về sau xả, lại thành phạm phu, vì trước đã bỏ hẳn phi đặc.

Vì sao biết được? Vì có pháp thật riêng, nên gọi là phi đặc, do trong Khế kinh nói có thành tựu, không thành tựu, như Khế kinh nói: Nếu thành tựu sáu pháp, thì sẽ không thành tựu thuận nhãn, sáu pháp như kinh nói.

Nếu cho rằng chưa sinh phần vị nối tiếp nhau của bậc Thánh, pháp nhãn, v.v... gọi là tánh phạm phu, thì trái với Khế kinh kia, như Đức Thế tôn nói: Như vậy gọi là người Tùy tín hành, nhập chánh tánh ly sinh, siêu việt địa phạm phu, địa phạm phu này tức là tánh phạm phu:

Làm sao biết được?

Như vì được mà bỏ, như vì đặc pháp khác, nên gọi là nhập vì bỏ pháp khác, nên gọi là siêu việt, không phải vào lúc bấy giờ, bỏ pháp từng đặc, phần ít các pháp như nhãn, v.v... có thể biết, như vì có pháp Thánh chưa từng đặc nên không thể cho pháp Thánh chưa sinh, sự nối tiếp nhau của mất, v.v... tức tánh phạm phu, nên pháp có riêng, chỉ phạm phu có, khắp các phạm phu đều trái với đặc của Thánh đạo gọi tánh phạm phu, lý ấy sẽ, lẽ nào không đúng như pháp Thánh tức gọi là tánh Thánh chẳng?

Vì thành tựu tánh này nên gọi là bậc Thánh. Như vậy, pháp phạm phu tức tánh phạm phu, vì sẵn có tánh này nên gọi là phạm phu.

Sự so sánh này không đúng, vì pháp các bậc Thánh chỉ bậc Thánh mới có, có thể tức pháp Thánh gọi là tánh Thánh.

Pháp của các phạm phu, bậc Thánh cũng có, sao có thể lập làm

tánh phàm phu?

Nếu pháp phàm phu chỉ phàm phu thành, khắp địa phàm phu có thể là tánh phàm phu, đường ác, Vô tướng, châu Câu-lô ở phía Bắc, v.v... không khắp phàm phu, với mạng căn, khác, v.v... mặc dù khắp phàm phu mà bậc Thánh cũng có.

Luận về bên cạnh đã xong. Nay lại nên tư duy phi đặc như thế.

Vào lúc nào sẽ xả phi đặc của pháp này?

Khi được pháp ấy, hoặc chuyển dịch địa, là lìa bỏ phi đặc này. Như phi đặc của pháp Thánh được gọi là tánh phàm phu, khi thuận theo đặc pháp Thánh là bỏ phi đặc của ba cõi. Như vậy, người trụ tâm vô lậu đầu tiên, đối với khổ pháp trí lần lượt cho đến trụ Kim cương dụ Tam-ma-địa, đối với A-la-hán hiện có phi đặc, như chỗ thích ứng của A-la-hán, thuận theo đặc pháp này, bỏ phi đặc ấy.

Như thế, cho đến A-la-hán Thời giải thoát, đối với A-la-hán Bất thời giải thoát tất cả phi đặc, khi đặc pháp này là xả phi đặc ấy. Phi đặc của pháp khác giống như đây nên tư duy.

Lại, phi đặc này sao gọi là xả?

Nếu đặc của phi đặc dứt, thì phi đặc của phi đặc sinh, như thế gọi là xả ở phi đặc. Đặc và phi đặc dù đều còn, đặc và phi đặc, không phải vô cùng, do thế lực của đặc đã thành tựu pháp gốc. Và đặc với đặc, đặc thế lực của đặc, đặc của pháp thành tựu, há thành vô cùng? Phi đặc cũng nên tư duy lựa chọn như thế. Phi đặc của phi đặc, sẽ không cùng sinh. Lại, khi từ địa dưới sinh lên địa trên, thì phi đặc của địa dưới tất cả đều xả, từ địa trên sinh xuống địa dưới, giống với đây nên biết. Do sức của đối tượng nương tựa, phi đặc chuyển biến.

Như vậy đã nói về tướng của đặc, phi đặc. Thế nào là đồng phần?

Tụng rằng:

Đồng phần là hữu tình.

Luận chép: Có vật thật khác, gọi là đồng phần. Nghĩa là các hữu tình lần lượt giống nhau, v.v... Luận này nói: Đây gọi là chúng đồng phần. Sinh một cõi, v.v..., các loại hữu tình hiện có thân hình, tác dụng các căn và ăn uống, v.v..., nhân giống nhau, và chúng lần lượt chuyển tướng nhân của Dục, lạc, gọi là chúng đồng phần, như sắc tươi sạch, vì đại chủng của tâm, nghiệp đều là nhân, nên thân hình, v.v... không phải chỉ là nghiệp nhân. Hiện thấy thân hình mà là giống nghiệp lẫn nhau đã dẫn quả, tác dụng các căn và uống ăn, v.v... có khác nhau.

Nếu cho rằng vì mãn nghiệp có khác nhau nên hữu tình này khác

nhau, về lý không nên như vậy, hoặc có thân hình chỉ do dẫn nghiệp tương tự đã khởi, vì chúng đồng phần có khác nhau, nên tác dụng, v.v... đều khác nhau. Nếu thân hình, v.v... chỉ nghiệp quả ấy thì sẽ tùy theo tác dụng, v.v... mà thân hình chúng được ưa thích. Nếu xấu, hoặc vận hành, nên không được có. Vì tác dụng ưa muốn của thân hình trong đây, sẽ lẫn lượt giống nhau, nên gọi đồng phần là nghĩa nhân, vì có vật thật riêng là nhân đồng này, nên gọi là đồng phần.

Đồng phần như thế, Đức Thế tôn chỉ nói các hữu tình, chứ không phải dựa vào cỏ cây, v.v..., nên Khế kinh nói: Đây là đồng phần của trời, đây là đồng phần của người, cho đến nói rộng.

Vì cho nên nghĩa có thật của chúng đồng phần được thành, không phải chỉ nói về hình, sắc, lại vì giống nhau, cho đến cõi, nơi sinh, thân, v.v... khác nhau, có vô lượng giống đồng phần hữu tình.

Lại, có pháp đồng phần, nghĩa là tùy theo uẩn, xứ, giới, vì chỗ nương tựa chúng đồng phần này, nên phi tình không có đồng phần phàm phu, sẽ xấu khi nhập ly sinh, đồng phần của hữu tình sẽ xấu khi nhập Niết-bàn.

Lẽ nào không phải tánh phàm phu tức là đồng phần phàm phu hay sao?

Sự so sánh này không đúng, vì tác dụng khác. Do tác dụng ưa muốn của thân hình phàm phu kia, nhân giống nhau, gọi là đồng phần. Nếu trái với thành tựu của Thánh đạo, là nhân của phàm phu, gọi là tánh phàm phu. Khi nhập ly sinh, đối với chúng đồng phần vừa xấu, vừa đắc, đối với tánh phàm phu thì xấu mà không đắc.

Đồng phần không phải sắc làm sao biết được?

Vì có dụng năng sinh, không có loại sự riêng, do thấy quả phàm phu, biết có đồng phần kia, như thấy quả đã được của nghiệp hiện tại, mà biết có nghiệp đời trước mình đã từng gây ra. Lại, quán sát hành giả vì hiện chứng biết.

Sao không thừa nhận có đồng phần của phi tình?

Không nên trách cứ như thế, vì có lỗi thái quá, ông cũng thừa nhận Có sự sinh của thai, noãn, v.v..., của cõi người, cõi trời, v.v... Sao không cũng thừa nhận sự sinh của quả, đậu v. v... ở cõi am la, v.v... Lại, Đức Phật Thế tôn vì đã không hề nói, nên tư duy lựa chọn.

Vì sao Đức Thế tôn chỉ nói đồng phần ở hữu tình, không phải ở cỏ cây, v.v...? Lại vì sao Đức Thế tôn chỉ nói có đồng phần ở vật thật phân biệt như thế? Vả lại, ở trong đó ta hiểu như thế, do cỏ, v.v... kia không có tác dụng lẫn lượt ưa muốn giống nhau, nên đối với chúng không gọi

là có đồng phần riêng. Lại hẳn là vì hữu tình, cỏ cây mới sinh, mà chỉ nói có đồng phần ở hữu tình. Lại, nhân nghiệp trước và hiện đang siêng năng, mạnh mẽ mà pháp này được sinh. Đối với hai sự, như cỏ, v.v... kia đều không có, cho nên không có đồng phần, tức do việc này chứng có vật thật. Lại, tượng gỗ, tơ trắng, sơn, điêu khắc, vẽ, v.v... và hình chân dung kia, dù có hình sắc xoay vần giống nhau mà nói một thật. Do đó, không phải chỉ thấy sự giống nhau của hình sắc kia, liền gọi là thật, phải là đối với loại vật khác nhau giống nhau mới khởi nói thật, nên biết có thật pháp khác nhau này. Lời nói thật này gọi là do pháp ấy sinh. Lại, vì ở trước đã nói.

Ở trước nói như thế nào?

Nghĩa là thấy thân hình là nghiệp giống nhau đã dẫn sinh quả, tác dụng của các căn và vì có khác nhau về uống, ăn, v.v..., là các đồng phần lần lượt khác nhau.

Làm sao đối với thân hình kia lại không có đồng phần mà khởi nhận biết không có lập riêng?

Do các đồng phần là sự đồng loại, vì tánh nhân, v.v..., tức là đồng loại, lần lượt biết rõ giống nhau, lập ra các nhân, như mắt, tai, v.v..., do đại chủng tạo mới thành tánh sắc đại chủng dù không có đại chủng, tạo khác mà tánh sắc thành.

Ở đây, nên chỉ rõ thành chỗ chấp của Thắng Luận, cú nghĩa đồng chung, cú nghĩa đồng, khác. Nếu Thắng luận chấp hai cú nghĩa này, thì thể của cú nghĩa đó chẳng phải một, sát-na không phải thường, không có chỗ nương tựa, lần lượt khác nhau. Nếu khiến đồng với cú, nghĩa kia cũng không có nhiều lỗi, chẳng phải phái Thắng luận chấp các căn như mắt, v.v... có công năng vận hành sắc, v.v..., tức khiến cho Thích tử vì từ bỏ kiến chấp như thế, để tạo riêng sự hiểu biết khác, nên Thắng Luận vấn nạn bè nhóm rằng: Người cầu chánh lý không nên lượm lặt.

Đã nói về đồng phần, thế nào là người Vô tướng?

Tụng rằng:

*Vô tướng trong Vô tướng
Tâm, tâm sở, pháp diệt
Dị thực ở Quảng quả.*

Luận chép: Nếu sinh trong trời Vô tướng hữu tình, thì sẽ có pháp khiến cho tâm, tâm sở diệt, gọi là Vô tướng, là vật thật có công năng ngăn dứt pháp tâm, tâm sở ở vị lai, sao cho tạm thời không khởi, như đập ngăn sông nước. Pháp này hoàn toàn là định Vô tướng đã chiêu cảm dị thực. Do trong trời Vô tướng hữu tình kia, Vô tướng và sắc chỉ là

quả dị thực được cảm do định Vô tướng. Định này không thể dẫn chúng đồng phần và vì mạng căn. Do chúng đồng phần và mạng căn, chỉ là hữu tâm. Dị thực mà tĩnh lự thứ tư đã cảm, xứ kia, uẩn còn lại là dị thực chung, do sinh trong trời Vô tướng hữu tình, nhiều thời gian hữu tâm, nghĩa là trước khi nhập Vô tướng và sau khi xuất Vô tướng, thời gian của vị vô tâm rất dài, nên gọi là trời Vô tướng. Hữu tình Vô tướng cư trú ở xứ nào?

Cư trú ở Quảng Quả, nghĩa là trong trời Quảng quả, có xứ cao hơn, như tĩnh lự Trung gian, gọi là trời Vô tướng. Hữu tình kia do nghiệp sinh duyên Đẳng vô gián, gìn giữ thức ăn, nghĩa là do nghiệp đời trước, dẫn sinh chúng đồng phần và mạng căn, v.v... Do tâm nối tiếp sinh và Vô gián, nhập quả Vô tướng, vì tâm dẫn dắt, giúp đỡ, nên hữu tình Vô tướng cũng có xúc, v.v... của quá khứ, gìn giữ thức ăn, trong vị vô tâm, chỉ có xúc, v.v... quá khứ làm thức ăn, thức ăn hiện tại không có. Hai thứ trong vị hữu tâm đều có. Vì các hữu tình kia đều do tướng khởi, nên từ xứ Vô tướng kia mất, mất rồi, chắc chắn sinh cõi Dục, không phải xứ khác, trước tu hạnh định đã chiêu cảm thọ lâu dài, vì thế lực đã hết, nên ở Vô tướng kia không thể lại tu định, như mũi tên bắn lên hư không, khi sức đẩy đã hết, thì rơi xuống đất. Nếu các hữu tình thích ứng sinh xứ Vô tướng, thì sẽ có cõi Dục thuận với thọ nghiệp sau, như ứng sinh châu Câu-lô, ở phía Bắc thì chắc chắn phải có nghiệp sinh lên cõi trời.

Đã nói về Vô tướng, thế nào là hai định? Đó là định vô tướng và định Diệt tận. Định Vô tướng đầu tiên, tướng ấy thế nào?

Tụng rằng:

*Định Vô tướng như thế
Tĩnh lự sau câu thoát
Thiện chỉ thuận sinh thọ
Không Thánh được một đời.*

Luận chép: Như trước đã nói có pháp khiến cho pháp tâm, tâm sở diệt, gọi là Vô tướng. Như vậy, lại có pháp riêng có thể khiến tâm, tâm sở diệt, gọi là định Vô tướng. Nói tiếng như thế, chỉ làm sáng tỏ định này, diệt tâm, tâm sở, đồng với Vô tướng. Do chánh thành tựu, hoặc cực thành tựu, nên gọi là định.

Có sư khác nói: Vì hành như lý, v.v... nên gọi là định, khiến đại chủng tâm, vì vận hành bình đẳng, nên người Vô tướng, hoặc định Vô tướng, gọi là định vô tướng. Do nhằm chán tướng hư hoại, sinh định này, nên không phải các phạm phu có thể thọ nhận sự nhằm chán hư hoại này. Do chấp mắc thọ nhận ấy mà nhập định.

Định này ở địa nào?

Nghĩa là ở tính lự sau, tức ở tính lự thứ tư, không phải còn sót lại.

Điều này không nên nói. Vì sao? Vì định này có công năng chiêu cảm dị thực Vô tưởng:

Đã nói về Vô tưởng ở trời Quảng Quả, sẽ nói Quảng quả ở tính lự sau:

Lẽ nào đối với địa khác mà tu nhân Vô tưởng kia chẳng?

Lời trách cứ này không đúng, vì không hề nói, nên chưa hề có việc đó, nói định Vô tưởng là nhân của Vô tưởng.

Lẽ nào không phải tụng trước đã nói Vô tưởng là dị thực hay sao?

Ở trong sự giải thích bài tụng kia gọi là quả của định Vô tưởng.

Điều này cũng không đúng, vì chưa hề có bài tụng nào nói như thế, nay nói mới thành.

Vì sao định này gọi là định phạm phu?

Vì cầu giải thoát, nên tu định này. Người kia chấp Vô tưởng là giải thoát chân thật, chấp định Vô tưởng là đạo xuất ly, là chứng Vô tưởng mà tu định ấy. Tất cả bậc Thánh không chấp hữu lậu là giải thoát chân thật và n xuất ly chân thật nên nói định này gọi là định phạm phu.

Vì trước đã nói Vô tưởng là dị thực, nên thuộc về tánh vô ký, không nói cũng tự thành. Nay, định Vô tưởng hoàn toàn là thiện. Lẽ nào không vô tưởng này là vì nhân dị thực, nên thuộc về tánh thiện, không nói, tự thành? Dị thực này làm nhân ở trong cõi trời Vô tưởng hữu tình, có công năng chiêu cảm dị thực năm uẩn. Không như vậy thì trong bài tụng cũng chưa thấy nói.

Lại, nhiễm, vô ký, ai có thể ngăn dứt? Nếu vậy thì trong đây nên nói thiện thuần túy.

Không như vậy thì nghĩa lia ngôn, thấy nghĩa có chẳng?

Nghĩa này nên y cứ theo cách giải thích tánh phạm phu ở trước, hoặc chỉ nói thiện, đã biểu thị rõ, không phải pháp khác.

Định này đã là tánh của nhân dị thực, là thuận với thọ nào?

Chỉ thuận với sinh thọ, không thuận với hiện tại mai sau và thọ bất định.

Một loại các sư đã chấp định này, về lý chỉ thuận với sinh thọ và thọ bất định. Vì sao? Vì người hoàn thành định này, cũng được chấp nhận nhập tánh chánh ly sinh, nhập, sẽ không hiện khởi định này nữa, do y cứ ở hiện hành để nói định Vô tưởng, gọi là định phạm phu, chứ không phải y cứ vào thành tựu. Lại, thừa nhận định này nói chúng

là pháp này, phạm phu của pháp ngoại đạo đã được, không phải bậc Thánh, vì các bậc Thánh đối với định Vô tướng, như nhìn thấy hầm hố sâu thẳm, không thích xuống. Trong bài tụng đã nói: Nói cầu giải thoát tức đủ thấy rõ định này chỉ thuộc về phạm phu.

Lại, nói không phải bậc Thánh là vì vô dụng. Định này khi bắt đầu được là được bao nhiêu thế gian?

Định này ở trong các vị như giới biệt giải thoát, niệm niệm khác nhau vì được chưa từng được. Lúc niệm thứ nhất không phải được quá khứ, vì vô tâm, nên không tu vị lai. Do vậy, khi được định lần đầu tiên, chỉ được một thế gian, đó là được niệm, v.v... thứ hai hiện tại, cho đến khi chưa xuất định cũng thành quá khứ. Xuất định rồi cho đến khi chưa xả về sau chỉ thành quá khứ, như thiên nhãn, thiên nhĩ, không tu vị lai, chỉ gia hạnh đắc, không phải lìa nhiễm đắc.

Kế là định Diệt tận, tướng định ấy ra sao?

Tụng rằng:

*Định Diệt tận cũng vậy
Vì tinh trụ Hữu đẳng
Thiện hai, thọ bất định
Thánh do gia hạnh đắc
Thành Phật đắc chẳng trước
Ba mươi bốn niệm kia.*

Luận chép: Như định Vô tướng ở trước, định Diệt tận cũng vậy, nghĩa là như đã lìa tham của tinh lự thứ ba, có pháp khiến cho tâm, tâm sở diệt, gọi là định Vô tướng. Như vậy đã lìa mê đắm tham của Vô sở hữu xứ, có pháp hay khiến tâm, tâm sở diệt, gọi là định Diệt tận. Như thế tướng khác nhau của hai định: Định Vô tướng ở trước, vì cầu giải thoát, nhằm chán sự hư hoại, đối với tướng, dùng tác ý của tướng xuất ly làm trước mà được chứng nhập.

Nay, định Diệt tận vì mong cầu trụ vắng lặng chán hư hoại, phân tán, lay động, dùng tác ý của tướng ngừng nghỉ làm trước, mà được chứng nhập.

Định Vô tướng trước ở biên địa cõi Sắc, nay định Diệt tận ở biên địa Vô sắc, do Phi tướng phi phi tướng xứ cảm thọ sinh thân, bị lôi kéo do nghiệp trên hết, nên gọi là Hữu đẳng, hoặc là bờ mé của hữu nên gọi là Hữu đẳng, như bờ mé của cây, nói tên thọ đẳng, chỉ trong địa này có định Diệt tận.

Vì sao ở địa dưới không có định này?

Vì nhằm chán trái với tất cả tâm và tâm bờ mé dứt, mới có thể

được giải thoát vượt hơn, nghĩa là do hai duyên lập sự giải thoát này.

1. Vì chán trái tất cả tâm.
2. Vì tâm bờ mé dứt tạm thời.

Nếu ở địa dưới có định này thì không phải chán trái tất cả thứ tâm, vì chưa thể chán tâm của địa trên, cũng không gọi là tâm bờ mé dứt, vì tâm của địa trên cũng chưa dứt, lẽ ra phải gọi là chán trái phần ít các tâm, cũng lại nên gọi tâm bờ mé trung bình dứt. Ở trong ba tánh định trước và định này đều có chỉ là thiện, không phải nhiễm, vô ký, không phải các bậc Thánh chán, sợ, tán, động, nhận lấy nhiễm vô ký, làm trụ xử vắng lặng. Định Vô tướng ở trước có thể thuận với sinh thọ và thọ bất định.

Nay, định Diệt tận có cả thuận với sinh thọ, thọ sau và thọ bất định, nghĩa là y cứ ở dị thực hữu, thuận với sinh thọ. Hoặc thuận với thọ sau và thọ bất định, hoặc hoàn toàn không thọ, nghĩa là nếu địa dưới khởi định này rồi, bất sinh địa trên, ấy là nhập Niết-bàn. Định Diệt tận này có thể chiêu cảm dị thực của bốn uẩn Hữu đảnh, định Vô tướng trước chỉ có phàm phu được, định Diệt tận này chỉ có bậc Thánh được, các phàm phu không thể khởi Định diệt. Phàm phu kia có địa mình khởi chướng định Diệt, vì cũng chưa dứt, chưa vượt qua. Hoặc do kiến dứt của hữu sinh. Đối với khởi định diệt rất ráo không có khả năng, vì các phàm phu không thể vượt qua, hoặc do kiến dứt của Hữu đảnh, nên chỉ bậc Thánh được định Diệt tận, tất cả bậc Thánh khi được Hữu đảnh đều được định Diệt tận như ở đây hay không?

Nên nói không được, vì định này không phải lìa nhiễm đắc?

Do đâu mà được?

Do gia hạnh mà được, chủ thể vì gia hạnh mới chứng đắc, như khi định Vô tướng chứng đắc đầu tiên, chỉ được hiện tại, không được quá khứ, không tu vị lai, vì chủ thể phải do sức tâm mới có thể tu. Niệm, v.v... thứ hai cho đến chưa xả cũng thành quá khứ.

Đức Thế tôn cũng dùng gia hạnh đắc phải chăng? Không như vậy thì thế nào?

Khi thành Phật đắc, người kia cho rằng Đức Thế tôn khi tận trí thì đắc, há không phải tận trí vào lúc thành Phật, cũng không gọi là đắc, hướng chi định Diệt tận, vì các Bồ-tát khi trụ vào Tam-ma-địa Kim cương dụ, được gọi là tận trí, vì khi được thể sinh, thì gọi là đắc, lúc đã thành Phật lẽ ra gọi là tận trí, không do gia hạnh mà hiện ở trước, khi tạm khởi dục lạc hiện ở trước, vì tất cả đức viên đều thuận theo niềm vui khởi, nên không phải công đức sở hữu trong thân Phật đắc, khi Phật

được tận trí thì được định Diệt tận?

Do Bồ-tát đã lìa hẳn tất cả nhiễm phiền não nên khiến cho công đức trong thân Phật được khởi, vì cho nên nói công đức mà Như lai đã có, đều lìa nhiễm đặc, nên lời nói của người kia cũng có lỗi. Tùy cơ nghi vì hữu tình kia mà giải thích, nghĩa là đối với sự gần mà nói tiếng xa, hoặc đến lúc Tam-ma-địa Kim cương dụ, sẽ thành Phật, nên cũng gọi là thành Phật, sát-na Vô gián vì chắc chắn thành Phật. Vả lại, hãy gác qua việc này. Đức Thế tôn chưa hề khởi định Diệt tận, khi được tận trí làm sao thành câu phần giải thoát, vì lìa hẳn chướng định, vì xả không thành tựu, nên đối với khởi định diệt được tự tại, như đã khởi, nghĩa là thành câu giải thoát.

Sư phương Tây nói: Học vị Bồ-tát trước khởi định này sau được Bồ-tát.

Sư Tỳ-bà-sa nước Ca-thấp-di-la nói: Không phải trước khởi định diệt, sau mới sinh Tận trí.

Do đâu sư Tỳ-bà-sa của nước này biết được Tận trí, trước Khi chưa khởi định Diệt? Sao không trách cứ sư phương Tây khởi nhân? Vả lại, ở nước Ca-thấp-di-la ta đã nói ba mươi bốn niệm được Bồ-đề, nghĩa là các Bồ-tát chắc chắn trước, ở Vô sở hữu xứ, được lìa tham mới nhập kiến đạo, lại không cần dứt trừ phiền não của địa dưới, với ba mươi bốn niệm, được đại Bồ-đề. Trong hiện quán đế, có mười sáu niệm, lìa tham Hữu đẳng, có mười tám niệm, nghĩa là dứt chín phẩm phiền não của Hữu đẳng, có chín Vô gián, chín đạo Giải thoát.

Như thế, mười tám đủ với mười sáu trước thành ba mươi bốn. Ở trung gian này, vì không chấp nhận được khởi tâm khác nhau loại, nên ở vị trước, đã chắc chắn không chấp nhân khởi định Diệt tận. Nếu ở vị trước, khởi định Diệt tận, ấy là vượt qua tâm mong cầu, nhưng các Bồ-tát chắc chắn không vượt qua tâm mong cầu.

Như vậy đã khéo hoàn thành ba mươi bốn niệm, được Bồ-đề. Vì không phải nhân trước, nên dù đã nói hai định có nhiều tướng đồng, khác, nhưng ở trong đó lại có đồng khác.

Tụng rằng:

Hai định dựa Dục, Sắc

Định Diệt trong người đầu.

Luận chép: Nói hai định, là định Vô tướng và định Diệt tận. Hai định này đều nuôi dưỡng hai cõi Dục và Sắc mà được hiện khởi. Tuy nhiên, trong đây có nói hai định này chỉ có ở ba tĩnh lự dưới, nhập định Vô tướng, không phải ở thứ tư mà nhân và quả rất gần nhau.

Có nói: Cũng ở tính lự thứ tư, nhập định Vô tướng, trừ Vô tướng thiên, do sinh cõi trời Vô tướng vì cảm thọ quả Vô tướng kia.

Có sư khác nói: Chỉ ở cõi Dục, nhập định Vô tướng không phải ở cõi Sắc.

Thuyết của sư kia trái với luận, nghĩa là ả luận này nói: Hoặc có là sắc có, có này không phải năm hành, nghĩa là sắc ràng buộc hữu tình. Hoặc sinh lên cõi trời Hữu tướng, trụ tâm khác nhau loại, hoặc nhập định Vô tướng, hoặc nhập định Diệt tận, hoặc sinh cõi trời Vô tướng. Đã được nhập Vô tướng, đây gọi là sắc hữu, hữu này không phải năm hành.

Do đó chứng biết hai định như thế đều dựa vào cõi Dục, cõi Sắc mà được hiện khởi, đây gọi là tướng đồng. Nói tướng dị, nghĩa là định Vô tướng. Hai cõi Dục, cõi Sắc đều được khởi đầu tiên. Định diệt khởi đầu tiên, chỉ ở trong cõi người, nghĩa là định Diệt tận chỉ ở trong cõi người, được tu đầu tiên khởi, chỉ có trong con người, người nói, người giải thích và Có sức gia hạnh mạnh mẽ. Có khi ở trong cõi người, tu đầu tiên được rồi. Do lui sụt làm trước mới sinh lên cõi Sắc, dựa vào thân cõi Sắc, về sau lại tu khởi, không phải ở cõi Vô sắc nhập định diệt, vì không có đối tượng nương tựa, nên mạng căn sẽ dựa vào sắc tâm mà chuyển. Nếu ở Vô sắc, nhập định diệt, thì sắc, tâm đều không có, mạng căn lẽ ra dứt. Vì các uẩn lẫn lượt nương nhau mà trụ, nên không có hữu tình nào chỉ có một uẩn. Lại, vì tâm, tâm sở không lìa nhau nên cũng không có hữu tình nào chỉ có ba uẩn.

Làm sao biết được?

Vì định diệt có lui sụt, vì y cứ ở nghĩa Khế kinh Ô Đà Di, kinh nói: Thưa cụ thọ! có các Bí-sô, trước ở chỗ này, đầy đủ Thi-la thanh tịnh, đủ Tam-ma-địa, đủ Bát-la-nhã, thường ra vào định Diệt thọ tướng. Ở đây có việc này, nên biết như thật. Bí-sô kia đối với hiện pháp, hoặc vị sắp qua đời, không thể siêng tu, khiến hiểu đầy đủ. Từ thân này hư hoại, siêu việt trời đoạn thực, tùy ý cảm thọ một xứ, thành thân trời. Sinh lên cõi trời ấy rồi, lại thường ra vào định Diệt thọ tướng, cũng có việc này, nên biết như thật, ý này thành thân trời. Đức Phật nói: Định Diệt thọ tướng của cõi Sắc này, chỉ ở Hữu Đảnh. Nếu được định này thì sẽ không có ai lui sụt. Không nên được thọ sinh đến cõi Sắc.

Như thế giải thích rộng tướng của hai định, gồm có sáu môn, gọi là địa, gia hạnh, nối tiếp nhau, dị thực, thuận với thọ, vì khởi đầu tiên có khác nhau, nên nay phải tư duy, lựa chọn.

Trong định Diệt tận diệt chung tất cả tâm, tâm sở pháp. Vì sao chỉ

nói định Diệt thọ tướng?

Vì chán trái với định này của hai sinh kia, nghĩa là tướng và thọ bị kiến ái làm tạp nhiễm. Vì đối tượng nương tựa nên nhầm chán nghiêng về.

Vì trái với hai pháp như thế, với nhiều lỗi tai hại, như đã phân biệt rộng trong phần lập uẩn, nên chán trái nghiêng về một bên, nhập định Diệt tận. Vị định diệt này chắc chắn không có tâm, vì tất cả tâm đều có sinh diệt với thọ, tướng, như Khế kinh nói: Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, xúc ba hòa hợp đều khởi thọ, tướng, tư, cho đến nói rộng.

Không hề có chỗ nào nói có thức thứ bảy chấp thức kia, là thọ, tướng sinh. Kinh này đều nói: Chỉ rõ khởi đồng thời, lấy bó lau các cọng lau dựa vào nhau làm thí dụ, vì nói sinh duyên, của tâm, tâm sở, v.v... nên không phải trong định này chỉ có tướng, thọ, diệt. Trong đây cũng nói hành ý diệt. Nếu tâm trong định này không diệt, thì hai thứ thọ, tướng lẽ ra cũng không diệt, vì công năng sinh ra xúc kia nên cũng có. Do định diệt này không có tâm, nhưng tâm sau định lại được sinh, nghĩa là tâm trước của định, tạo ra duyên Đẳng vô gián, đã dẫn dắt. Lại, thế lực cầu mong trong gia hạnh dẫn phát, nên thể của định Diệt tận, phải biết là có thật, có thể ngăn dứt làm trở ngại khiến tâm bất sinh.

Nếu cho tâm trước của định ngăn dứt, ngăn ngại tâm khác, thì tâm khác sẽ không bao giờ khởi. Nếu cho rằng có căn thân để khởi tâm khác, thì các thức nên khởi tức khắc bất cứ lúc nào, gọi là dựa vào tâm trước, tâm sau khởi, do không có duyên Đẳng vô gián thứ hai, dù có cảnh giới chỗ dựa đồng thời mà không có thức sinh ngay tất cả cảnh.

Nếu chấp không đối đãi với nhân duyên tự loại, mà đối đãi với thức có căn thân, ấy là khởi thì tất cả vị kia, tất cả thức cảnh, pháp nào làm trở ngại khi khởi khác nhau. Cho nên, chỉ nên dựa vào tâm, tâm sở mà khởi, không phải sức của tâm định ở trước, có thể ngăn dứt, trở ngại tâm khác. Do đó nên biết, lia tâm trước, thì chắc chắn có pháp riêng làm ngăn ngại tâm. Vì pháp này nên đối với vị vô tâm, dù có nhân của tâm mà tâm không khởi, tức pháp riêng này gọi là định Diệt tận, với thể là hữu và thật chẳng phải giả.

Người tu hạnh quán, do sức kỳ nguyện thiết yếu ở tâm trước của định dẫn phát, khiến cho thế lực của định Diệt tận suy yếu dần, đến giai vị đều hết, không có tác dụng ngăn dứt, chướng ngại, ý, pháp làm duyên sinh trở lại ý thức. Do chuẩn mực này, trước giải thích định Vô tướng và Vô tướng, tùy theo đối tượng thích hợp.

Đã nói về hai định, thế nào là mạng căn?

Tụng rằng:

*Thế mạng căn là thọ
Giữ gìn noãn và thức.*

Luận chép: Thế của mạng tức thọ, nên luận này chép: Thế nào là mạng căn? Nghĩa là tên khác của tuổi thọ của ba cõi. Dù vậy, nhưng tự thế của thọ chưa rõ, nên lại chỉ bày:

Pháp nào gọi là tuổi thọ? Nghĩa là có pháp riêng để duy trì hơi ấm, thức, gọi là tuổi thọ, nên Đức Thế tôn nói:

*Thọ, noãn cùng với thức
Khi ba pháp xả thân
Xả rồi, thân cứng đờ
Như gỗ, không hay biết.*

Nếu vậy thì thọ này, pháp nào có công năng gìn giữ?

Thọ này có công năng gìn giữ, ta gọi là nghiệp, hoàn toàn là nghiệp, vì quả dị thực, trong một thời kỳ sinh, vì thường tùy chuyển, nên Noãn (hơi ấm) không phải hoàn toàn nghiệp quả dị thực. Thức, cả hai đều không phải. Dù có một thời kỳ thường tùy chuyển xứ, nhưng vì không phải hoàn toàn là nghiệp dị thực, nên không thể nói thức do nghiệp gìn giữ. Cho nên nói tuổi thọ có công năng gìn giữ noãn, thức, không phải phi nghiệp chiêu cảm nghiệp trong thức trôi lăn, có phần ít công dụng có thể gìn giữ dị thực trong một đồng phần sinh thức dứt mà lại nối tiếp.

Chỉ có sức thọ gìn giữ, làm sao biết được thọ có công dụng gìn giữ noãn? Vì phải là người có thọ mới có noãn, những người không có noãn, cũng thấy có sống thọ, nên biết thế của thọ không phải do noãn gìn giữ.

Do đó, nên biết có pháp thật riêng, sức thọ kia có công năng gìn giữ, noãn thức của hữu tình gọi là sự sống, sự sống này tức là mạng căn.

Mạng căn như thế không phải chỉ dựa vào thân, vì Vô sắc cũng có, nên không phải chỉ dựa vào tâm, vì không có tâm cũng có.

Nếu vậy thì dựa vào đâu?

Dựa vào nghiệp đời trước và đồng phần hiện tại, chúng đồng phần kia cũng y cứ ở mạng căn.

Hành của mạng, hành của thọ có gì khác nhau?

Nếu pháp sinh thì thọ gọi là hành của mạng, nếu pháp bất sinh thì thọ gọi là hành của thọ.

Có nói: Không phải chỗ vứt bỏ gọi là hành của mạng. Là đối

tượng lìa bỏ gọi là hành của thọ.

Lại có nói: Nếu là quả của thân tức gọi là hành của mạng, nếu là quả của nghiệp trước gọi là hành của thọ.

Lại, có nói: Nếu sáng suốt sinh tăng thượng gọi là hành của mạng, không sáng suốt về sự sinh tăng thượng gọi là hành của thọ.

Hoặc có nói: Chỉ người lìa tham, nối tiếp chỗ được gọi là hành của mạng. Cũng có người tham tiếp nối chỗ được gọi là hành của thọ. Đây là sự sai khác giữa hành của mạng và hành của thọ.

Đã nói về mạng căn. Sao gọi là các tướng?

Tướng này có bốn, bốn tướng ấy là gì?

Tụng rằng:

Tướng là các hữu vi

Tánh sinh, trụ, dị, diệt.

Luận chép: Bốn thứ như thế là tướng hữu vi. Vì làm sáng tỏ tánh hữu vi kia, nên được danh của tướng hữu vi kia. Theo thuyết này, có chủng loại các hành. Sinh trong đây, nghĩa là có pháp riêng, là vị hành sinh, không có chướng ngại nhân vượt hơn, do có thể dẫn dắt hành kia sinh.

Có thể dẫn dắt, nghĩa là kia hành khi sinh, pháp này có công năng làm cho hành kia duyên tánh vượt hơn. Mặc dù các hành khởi đều được gọi là sinh, tuy nhiên, tên của sinh ấy chỉ dựa vào vị sinh của các hành, không có chướng ngại nhân vượt hơn mà lập các hành, phải nhờ vào sự sinh ở trước đều sinh, vì sức duyên đồng loại, khác loại, nên khởi tư nhân quả. Sẽ rộng chỉ rõ duyên đồng loại trong duyên đồng loại, khác loại của sự sinh trước, mạnh mẽ vì tùy theo hành kia khởi, nên câu sinh duyên nội không duyên đồng loại, trong duyên dị loại Có sự vượt hơn riêng, như trong duyên mắt, sắc, nhãn thức sinh, gọi là mắt làm nhân, sắc làm tánh duyên, dù hề thiếu bất cứ một duyên nào thì nhãn thức sẽ bất sinh, mà nhãn thức sinh là tùy theo mắt không phải sắc, là vì tánh của duyên gần, nên gọi là nhân. Nhãn thức sinh một quả. Các pháp làm duyên giúp cho sức thức vượt hơn không phải mắt. Lại, trong pháp đều khởi một quả, tự Có sức sinh nhau vượt hơn riêng, như gió đối với lửa, gió giúp cho sức lửa, làm cho lửa bùng cháy, vì thế gian cực thành, nên hiện thấy gió của nhóm dị, xuôi theo lửa nghiêng một bên, nên có thể so sánh với nhóm đồng là lẽ sẽ. Cho nên các hành câu sinh duyên nội sinh lực, vượt hơn, có nghĩa là lập riêng sự sinh, được gọi là công năng sinh. Các hành vô lậu đối với niệm đầu tiên của sự sinh, tướng mạo của chúng thật rõ ràng. Đã thấy chỗ này có công năng vượt hơn, có thể so

sánh với nơi khác, nên biết cũng có.

Trụ, là pháp riêng, là đã sinh chưa hư hoại, các hành dẫn sinh tự quả, không chướng ngại nhân vượt hơn, như các hành sinh, thì phải đợi pháp riêng làm nhân vượt hơn, giúp dẫn đến quả, tác dụng trội hơn lẽ ra cũng phải đợi pháp riêng làm nhân, chẳng phải pháp Đối pháp đã thừa nhận các hành được thừa nhận độc thể của các nhân duyên, tạm thời có trụ, các luận sư Đối pháp gọi là hiện tại, cũng nói có trụ, vì bấy giờ các hành dẫn sinh quả mình. Lại, tức ở hành này lập làm tác dụng. Đức Thế tôn cũng nói: Các hành tạm dừng. Lại nói: Khi các sắc có sinh, trụ, thì đây không thể gọi là y cứ ở trạng thái tương tục để nói trong khoảng một sát-na cũng là tánh khổ, nên nối tiếp nhau, hẳn là thấy sát-na thành. Các tướng hữu vi chỉ dựa vào trạng thái nối tiếp nhau để kiến lập trước, sau. Về lý, sẽ không thành, nên có pháp riêng có thể làm tác dụng dẫn quả của các hành, không có chướng ngại nhân gần, các sư Đối pháp gọi pháp này là trụ.

Di, là pháp khác, là tự loại nối tiếp nhau của tất cả hành, quả sau, nhân trước, vì chẳng thể không có nhân, tự nhiên có tướng một thức đồng, khác tiếp nhau trước, sau, chuyển biến không có nhân.

Vì lý này không thành, nên sinh cõi Vô sắc, thọ, v.v... nối tiếp nhau, niệm niệm biến đổi. Tác dụng này rất sáng tỏ, thấy cõi Vô sắc có công năng vượt hơn khác thường, có thể so sánh pháp khác, nên biết cũng có.

Diệt, là pháp riêng là hành câu sinh, mỗi niệm hoại diệt, không có chướng ngại nhân vượt hơn, không thể chấp vô là thể của tướng diệt, vì lý không từ duyên khởi, không thành, cũng không nên nói có sinh diệt. Lại, Khế kinh nói: Nên biết trí không có cảnh duyên sinh diệt, vì về lý, thì không phải có, nên không thể nói Vô có là tướng của diệt. Lại, như pháp sinh, do sự sinh riêng sinh, pháp diệt lẽ ra cũng do sự diệt riêng diệt.

Đều nói tánh, là nghĩa thể thật. Nếu tướng hữu vi có bốn thể khác nhau, thì vì sao Khế kinh chỉ nói có ba thứ?

Khế kinh chỉ vì chỉ rõ sự sai khác được, mất của hữu vi, vô vi, nên không nói trụ, hoặc nếu có tướng thì chỉ rõ hữu vi. Khế kinh nói nghiêng về không phải thể tướng của trụ. Chỉ biểu thị hữu vi, vì thường cũng có, nên chẳng phải kinh này không gọi là không có nhân của trụ. Kinh khác nói hành có pháp sinh diệt, chẳng phải không có pháp di, hữu vi này lẽ ra cũng như thế, mặc dù có bốn tướng thuận theo cơ nghi được hóa độ, ẩn trụ, nói ba mà vẫn không có lỗi. Hoặc trong kinh này đã bí mật nói

trụ không có, vì chỉ có tiếng, hoặc trong kinh này nói hợp trụ và dị. Nếu không như vậy thì chỉ nên nói dị vì chứng tỏ hữu vi. Trụ phải gồm dị, khác nhau với vô vi có trụ không có dị. Chẳng phải trong kinh này nói trụ dị, nghĩa là chỉ rõ trụ tức dị, mà chỉ nói rõ hữu vi có khởi, có tận, có trụ, có dị, còn vô vi thì có trụ, không có ba pháp còn lại, nên các hữu vi khác với vô vi. Do Đối pháp này nói các hữu vi chắc chắn có bốn tướng. Về phương diện lý thì không có khuynh động, tướng sinh, v.v... này đã là hữu vi, lại phải có riêng bốn tướng như sinh, v.v..., nếu lại có tướng ấy là dẫn đến lỗi cùng, vì sự sinh kia còn có tướng như sinh, v.v... khác nữa. Nên thật sự thừa nhận lại có, nhưng chẳng phải vô cùng. Vì sao?

Tụng rằng:

Tướng đây có sinh, sinh

Đối tám, một có thể.

Luận chép: Trong đây có nói: Bao gồm sáng tỏ nghĩa chắc chắn, ý nói rõ có này chỉ có bốn, không có thừa. Có ở đây nghĩa là bốn thứ tướng gốc đã nói ở trước.

Sinh của sinh, thủy: nghĩa là bốn tướng tùy thuộc, tức là sinh sinh của sinh, cho đến diệt diệt của diệt. Các hành hữu vi do bốn tướng gốc. Hữu vi của tướng gốc do bốn tướng tùy theo.

Ở chỗ nào Đức Thế tôn nói tướng tùy theo?

Có Khế kinh nói: Vì già chết khởi. Kinh này cũng nói: chắc chắn có tướng tùy theo, gọi là tướng sinh, v.v..., cũng là hữu vi, nên tướng sinh, v.v... của sinh, cũng là tánh khởi, v.v...

Khế kinh nói: Có ba tướng hữu vi của hữu vi, khởi của hữu vi cũng có thể biết rõ tận và trụ dị cũng có thể biết rõ, nên biết trong đây cũng gồm nhiếp tướng tùy theo. Lại vì đối với các tướng đều có cũng nói, nên trong kinh này cũng nói tướng tùy theo.

Nói sự khởi của hữu vi cũng có thể biết rõ: khởi tức sinh của tướng gốc cũng biểu thị sinh của nghĩa sinh, tận và trụ dị cũng có thể biết.

Nói giống như khởi, cũng nói nên giải thích đúng như lý. Nếu không như vậy thì đâu cần cũng nói, nên trong Khế kinh đối với pháp vô vi nói còn không có khởi, v.v... có thể biết.

Ý này nói: Các pháp vô vi còn không có tướng gốc sinh, v.v..., có thể biết, hướng chi tướng tùy theo sinh, v.v... của sinh mà có thể được.

Nếu không như vậy thì nên chỉ nói không có khởi, v.v... có thể biết, không nên nói còn.

Lại, đấng Bạc-già-phạm trong Khế kinh nói: Các tướng hữu vi lại có tướng.

Khế kinh nói: Sắc có khởi, tận. Ở đây lại nên biết cũng có khởi, tận, cho đến nói rộng, do đó nên biết tướng lại có tướng.

Nếu vậy, thì tướng gốc như pháp của sắc tâm mỗi pháp nên có bốn thứ tướng tùy theo, mỗi tướng này lại có bốn, lần lượt là vô cùng, không có lỗi này. Bốn gốc, bốn tùy theo, đối với tám, đối với một, vì công năng khác nhau, nên làm tác dụng của, duyên gần, gọi là công năng, gọi là bốn tướng gốc, mỗi tướng đều có tác dụng của tám pháp, bốn thứ tướng tùy theo, mỗi tướng đều có tác dụng của một pháp.

Nghĩa ấy thế nào?

Nghĩa là khi pháp sinh và chính tự thể của nó, chín pháp đều khởi, tự thể là một tướng, tướng tùy theo là tám, sinh trong tướng gốc, trừ tự tánh của tướng gốc, có thể làm duyên gần sinh tám pháp khác. Các pháp đối với tự thể, vì không có công dụng sinh, v.v..., nên sinh sinh, tướng tùy theo làm tác dụng của duyên gần, trong chín pháp chỉ sinh của gốc sinh, một sinh của sinh này, đa số vì công năng khác nhau nên tánh sinh, đã không có công năng khác thì đâu có khác nhau như thọ lãnh nạp. Tánh dù không có khác, nhưng vẫn Có sự sai khác tổn ích của công năng. Lại, cảnh của tướng gốc, tướng tùy theo có ít, nhiều, như cảnh của ý thức, năm thức có ít, nhiều, nghĩa là làm duyên gần, khiến dẫn sinh tác dụng của tự quả được khởi, là công năng sinh.

Trụ trong tướng gốc cũng trừ tự tánh, chủ thể làm duyên gần, trụ tám pháp khác, tùy tướng trụ, trụ, năng làm duyên gần, chỉ trụ của trụ gốc trong chín pháp, nghĩa là làm duyên gần, khiến cho pháp tạm trụ, chủ thể dẫn sinh tự quả là công năng trụ.

Diệt trong tướng gốc, trừ tự tánh của nó, chủ thể làm duyên gần. Tám pháp khác của diệt, diệt diệt, tướng tùy theo có thể làm duyên gần, chỉ là diệt gốc của diệt ở trong chín pháp, nghĩa là làm duyên gần, khiến dẫn sinh tự quả với tác dụng suy tổn, là công năng diệt.

Diệt trong tướng gốc trừ tự tánh của tướng gốc đó, năng làm duyên gần, diệt tám pháp khác. Tùy tướng diệt diệt, có thể làm duyên gần, trong chín pháp chỉ diệt gốc của diệt, nghĩa là làm duyên gần, sao cho dẫn đến quả mình với tác dụng hoại diệt là công năng diệt. Thế nên các tướng như sinh, v.v... lại có tướng tùy theo, tướng chỉ có bốn, không có lỗi vô cùng.

